

PHÒNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG TIỂU HỌC AN SINH

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học An Sinh, năm học
2023-2024**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	25	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	23	
2	Phòng học bán kiên cố	2	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ, mượn	0	
III	Số điểm trường lẻ	2	
IV	Tổng diện tích đất (m²)	18.854,1	30,02m ² /1 học sinh
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	6125	9,7m ² /1 học sinh
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1250m ²	
2	Diện tích thư viện (m ²)	80 m ²	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	0	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	0	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	50 m ²	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	100 m ²	
7	Diện tích phòng học trải nghiệm (m ²)	100 m ²	
8	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	30 m ²	
9	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	0	
10	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	30 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	25 bộ	1 bộ/1lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	5	
1.2	Khối lớp 2	5	
1.3	Khối lớp 3	5	
1.4	Khối lớp 4	5	

1.5	Khối lớp 5	5				
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0				
2.1	Khối lớp 1	0				
2.2	Khối lớp 2	0				
2.3	Khối lớp 3	0				
2.4	Khối lớp 4	0				
2.5	Khối lớp 5	0				
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	35 bộ	2 học sinh/ 1bộ			
IX	Tổng số thiết bị		Số thiết bị/lớp			
1	Ti vi	14				
2	Cát xét	2				
3	Đầu Video/đầu đĩa	2				
4	Máy chiếu OverHead/proje	14				
5	Bục giảng thông minh	2				
6	Máy tính bảng	34	hông			
7	Tủ sạc	2				
8	Máy để bàn	11				
9	Máy tính xách tay	6				
10	Máy photo	1				
11	Webcame	32				
12	Điều hòa nhiệt độ	44				
	Nội dung	Số lượng(m²)				
X	Nhà bếp	Không				
XI	Nhà ăn	Không				
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ		
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	Không				
XIII	Khu nội trú	Không				
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m²/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	4		14		0,25 m²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0		0		0

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

An Sinh, ngày 10 tháng 8 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Đoàn Thị Nhung